TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72/2023/QĐST- DS	*Vũng Tàu, ngày 28 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1, 3 Điều 13 và Khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 18-8-2023 của các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 465/2022/TLST – DS ngày 10 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

XÉT THẤY:

Căn cứ vào sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 18-8-2023 về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

1.1. Nguyên đơn; Bà Bùi Thị Ngọc L, sinh năm 1971.

Địa chỉ nhà số s, đường B, phường R, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Đỗ Thành T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Căn hộ B Tầng x Chung cư Y, đường N, phường T, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

1.2. Bị đơn:

Ông Lê N, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Cẩm Nh, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ liên hệ nhà số B, đường L, Phường T, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyên, bà Nhung*: Ông Trương Ngô Hồng T, sinh năm 1986.

Địa chỉ nhà số E, đường H, Phường B, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1963.

- Bà Bùi Thị Ánh T, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ nhà số số s, đường B, phường R, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc L và người đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Đỗ Thành T; Bị đơn ông Lê N, bà Nguyễn Thị Cẩm Nhvà người đại diện theo ủy quyền của ông N, bà Nh là ông Trương Ngô Hồng T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng H, bà Bùi Thị Ánh T cùng thống nhất thỏa thuận các vấn đề sau:

[2.1]. Diện tích 177m2 đất nông nghiệp, thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại địa chỉ 646/34 đường 30/4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã được UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L454444 ngày 09-4-1998, đứng tên bà Bùi Thị T. Bà Bùi Thị T là mẹ đẻ của bà Bùi Thị Ngọc L. Khi còn sống, bà T chuyển nhượng bằng giấy tay cho ông Lê N, bà Nguyễn Thị Cẩm N diện tích 124,8m2 đất, một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 127 nêu trên theo Giấy biên nhận đứng tên bà Bùi Thị T, đề ngày 02-5-2007 và Giấy cam kết đứng tên bà Bùi Thị T, đề ngày 28-02-2008. Từ năm 2008 đến nay, ông N, bà Nh trực tiếp quản lý sử dụng diện tích đất nhận chuyển nhượng thuộc Lô A và Lô B theo tọa độ số 01, 3, 15, 11 đến tọa độ số 01 và căn nhà cấp 4 tọa lạc trên diện tích của Lô đất B theo các tọa độ số 2, 3, 15, 14, 13, 12 đến tọa độ số 2 theo sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai thành phố Vũng Tàu cấp ngày 14-8-2023. Đồng thời, bà T giao Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L454444 ngày 09-4-1998, đứng tên bà Bùi Thị T cho ông Ng, bà Nh lưu giữ đến nay.

[2.2]. Nay bà Bùi Thị Ngọc L đồng ý giao trả 1.100.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm triệu đồng) cho ông Lê Ng và bà Nguyễn Thị Cẩm Nh.

[2.3]. Ông Lê N và bà Nguyễn Thị Cẩm Nh có trách nhiệm bàn giao cho bà Bùi Thị Ngọc L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L454444 ngày 09-4-1998, đứng tên bà Bùi Thị T và diện tích 124,8m2, một phần diện tích đất thuộc thửa đất trên do ông Lê N, bà Nguyễn Thị Cẩm Nh đang trực tiếp quản lý sử dụng, gồm: Lô A và Lô B, có tọa độ số 01, 3, 15, 11 đến tọa độ số 01 và căn nhà cấp 4 tọa lạc trên Lô đất B từ tọa độ số 2, 3, 15, 14, 13, 12 đến tọa độ số 2 theo sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai thành phố Vũng Tàu cấp ngày 14-8-2023 để bà L được quyền trực tiếp quản lý, sử dụng ngay sau khi bà L giao trả cho ông N, bà Nh hết số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm triệu đồng).

[2.4]. Hủy các giấy tờ, gồm: Giấy biên nhận đứng tên bà Bùi Thị T, đề ngày 02-5-2007; Giấy cam kết đứng tên bà Bùi Thị T, đề ngày 28-02-2008.

[2.5]. Theo sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai thành phố Vũng Tàu cấp ngày 14-8-2023, bà Bùi Thị Ngọc L và bà Bùi Thị Ánh T xác nhận

khi còn sống, bà Bùi Thị T đã cho bà Bùi Thị Ánh T diện tích đất Lô D, Lô E và Lô F, có các tọa độ 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 đến tọa độ số 3. Khi làm thủ tục sang tên, bà L đồng ý tách phần diện tích đất Lô D, Lô E và Lô F cho bà T được toàn quyền sử dụng và đồng ý để diện tích đất Lô C làm lối đi vào nhà bà T.

(Kèm theo sơ đồ vị trí thửa đất Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai thành phố Vũng Tàu cấp ngày 14-8-2023)

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục chỉnh lý biến động, sang tên quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật đất đai.

[2.6]. Về chi phí đo vẽ, thẩm định và định giá: Nguyên đơn và Bùi Thị Ngọc L tự nguyện nộp toàn bộ và đã nộp xong.

[2.7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tổng số tiền án phí là 22.500.000đồng (Hai mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng).

- Bà L có đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn, được UBND nơi bà Lệ cư trú xác nhận ngày 21-8-2023 nên bà Lệ được giảm 50% án phí nên số tiền án phí bà L phải nộp là 11.250.000đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí do bà L đã nộp theo biên lai số 0003441 ngày 08-11-2022 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu, do đó, bà L còn phải nộp thêm số tiền là 10.950.000đồng (Mười triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng).

- Hoàn số tiền án phí 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho ông Lê N và bà Nguyễn Thị Cẩm Nh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000873 ngày 17-7-2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND TP.Vũng Tàu;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

Đoàn Thế Dũng